

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LỊCH SỬ 11

Chủ đề 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
(TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945).

BÀI 6: HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á

a. Đông Nam Á hải đảo

- **Ở In-đô-nê-xi-a:** Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Đi-pô-nê-gô-rô (1825 – 1830).

+ Lực lượng hưởng ứng và tham gia: lãnh chúa, người dân trên đảo Gia-va, các đảo khác.

+ Kết quả: thất bại.

+ Ý nghĩa: gây tổn thất nặng nề cho chính quyền thực dân.

+ Tác động: phong trào đấu tranh tiếp tục lan rộng, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.

- **Ở Phi-lip-pin:** Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Đa-ga-hô ở Bô-hô (1744 – 1829).

+ Lực lượng tham gia: 20 000 người dân tham gia.

+ Ý nghĩa: là cuộc khởi nghĩa kéo dài nhất (1744 – 1829); Đa-ga-hô trở thành biểu tượng tinh thần cho cuộc đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha ở Phi-lip-pin.

+ Tác động: cuộc đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha lan rộng ra các đảo, kéo dài hơn 3 thế kỉ

b. Đông Nam Á lục địa

- **Ở Miến Điện:** phong trào chiến tranh du kích lan rộng trong cả nước.

→ Thực dân Anh bị tổn hại nặng nề.

- **Ở bán đảo Đông Dương:** từ nửa sau thế kỉ XIX, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ mạnh mẽ, từng bước lan rộng.

- **Ở Việt Nam:** từ năm 1858, phong trào chiến đấu chống xâm lược lan rộng ra Nam Kỳ, Bắc Kỳ.

- **Ở Cam-pu-chia:** nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha (1861 -1892).

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

1. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.	
Giai đoạn 1	Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920: - Đánh dấu sự ra đời và phát triển của giai cấp vô sản ở Đông Nam Á. - Đây là giai đoạn phong trào đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến dần được thay bằng phong trào theo xu hướng tư sản.
Giai đoạn 2	1920 – 1945: - Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh. - Đây là giai đoạn giai cấp vô sản bước lên vũ đài chính trị với sự ra đời của Đảng Cộng sản ở nhiều quốc gia: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Mã Lai, Xiêm,...
Giai đoạn 3	1945 – 1975: - Hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. - Phong trào đấu tranh dâng cao với thắng lợi của nhiều quốc gia (In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào,...). - Từ năm 1954 – 1975, là giai đoạn các nước Đông Nam Á lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
2. Nhận xét - Trải qua các giai đoạn phát triển từ cuối thế XIX – nửa sau thế kỉ XX, xuất phát từ bối cảnh quốc tế, khu vực và điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước, các nước Đông Nam Á đi đến độc lập dân tộc. - Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia (khu vực thuộc địa của Pháp) trải qua các cuộc kháng chiến trường kì, gian khổ để giải phóng dân tộc. - Các nước Đông Nam Á (khu vực thuộc địa của Hà Lan, Anh, Mỹ) phải kết hợp đấu tranh với những cuộc đàm phán hòa bình kéo dài hàng thập kỉ đi đến cái đích chung là giành độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.	

3. Thời kì tái phát và phát triển sau khi giành được độc lập

a. Những ảnh hưởng của chế độ thực dân

Tác động	Lĩnh vực	Ảnh hưởng của chế độ thực dân
Tiêu cực	Kinh tế	- Phần lớn các nước Đông Nam Á vẫn là những nước nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc nặng nề vào nước ngoài. - Một số nước trong khu vực mặc dù được coi là “vựa lúa” của thế giới nhưng lại rơi vào tình trạng thiếu lương thực, đói kèm triền miên.
	Chính trị	Việc áp đặt bộ máy cai trị, thực hiện chính sách “chia để trị”, chính sách ngu dân của chính quyền thực dân đã để lại những hậu quả nặng nề và lâu dài cho các nước Đông Nam Á.
	Văn hóa	Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo vệ và phát huy những giá trị truyền thống của nền văn hóa các dân tộc Đông Nam Á.
Tích cực		- Tạo ra sự chuyển biến nhất định trong quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở: mở mang đường giao thông, xây dựng thành phố hải cảng mới. - Gắn kết khu vực với thị trường thế giới, du nhập nền sản xuất công nghiệp. - Phát triển một số yếu tố về văn hóa như chữ viết, tôn giáo, giáo dục.

b. Quá trình tái thiết và phát triển

- **In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po:** tiến hành chiến lược công nghiệp hóa từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX.

- **Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia:** từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, tiến hành công nghiệp hóa từ cuối thập kỉ 80 – 90 của thế kỉ XX.

- **Bru-nây:** tiến hành điều chỉnh chính sách nhằm đa dạng hóa nền kinh tế.

- **Mi-an-ma:** bắt đầu tiến hành cải cách kinh tế từ cuối năm 1998.

→ Các nước đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm mức độ cao. Đời sống xã hội có những chuyển biến căn bản.

B. BÀI TẬP

Câu 1. Năm 1920, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á thành lập Đảng Cộng sản?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Việt Nam.
- C. Ma-lay-xi-a.
- D. Thái Lan.

Câu 2. Phong trào chống thực dân xâm lược ở các nước Đông Nam Á hải đảo bùng nổ từ rất sớm, tiêu biểu là ở

- A. In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.
- C. Ma-lai-xi-a và Bru-nây.
- D. Xin-ga-po và Việt Nam.

Câu 3. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhân dân In-đô-nê-xi-a nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của thực dân nào sau đây?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Tây Ban Nha.
- D. Hà Lan.

Câu 4. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tận dụng thời cơ Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (tháng 8-1945) để tiến hành giành độc lập?

- A. Mi-an-ma, Lào, Thái Lan.
- B. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Lào.
- C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia.
- D. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

Câu 5. Sự hình thành khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp

- A. nông dân.
- B. công nhân.
- C. tư sản.
- D. địa chủ.

Câu 6. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 7. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược phát triển kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
- B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
- C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc.
- D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 8. Sau nhiều thế kỉ là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, phần lớn các quốc gia Đông Nam Á vẫn là những nước

- A. công nghiệp phát triển.
- B. nông nghiệp lạc hậu.
- C. công nghiệp mới.
- D. công nghiệp lạc hậu.

Câu 9. Một trong những tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á là

- A. kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- B. nền sản xuất công nghiệp du nhập vào khu vực.
- C. đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
- D. giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 10. Từ giữa những năm 50 đến giữa những năm 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN tiến hành chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu với mục tiêu

- A. xây dựng nền kinh tế tự chủ, giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra cho nền kinh tế.
- B. nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp nặng, hội nhập với thị trường thế giới.
- C. mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư, kĩ thuật và công nghệ hiện đại của nước ngoài.
- D. tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển kinh tế đối ngoại, hội nhập thế giới.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Tiến hành công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
- C. Đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. Cải cách đất nước một cách toàn diện, trong đó đổi mới chính trị là trọng tâm.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là một trong những chính sách phát triển kinh tế của Chính phủ Bru-nây được thực hiện từ những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- B. Cải cách đất nước, lấy đổi mới về chính trị làm trọng tâm.
- C. Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.
- D. Đa dạng hoá nền kinh tế, gia tăng sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

Câu 13. Một trong những tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á là

- A. kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- B. gắn kết Đông Nam Á với thị trường thế giới.
- C. đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.
- D. giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 14. Mâu thuẫn bao trùm lên xã hội Đông Nam Á trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì?

- A. Nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.
- B. Giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.
- C. Giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.
- D. Giai cấp vô sản với giai cấp tư sản.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Phong trào theo khuynh hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.
- B. Phong trào theo ý thức hệ phong kiến thay thế phong trào theo khuynh hướng tư sản.
- C. Tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản trong phong trào yêu nước.
- D. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

Câu 16. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa ngoại lai của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh.
- B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
- C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống.
- D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 17. Từ năm 1954 đến năm 1975, các nước Đông Nam Á đã lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, **ngoại trừ**

- A. Bru-nây.
- B. Xin-ga-po.
- C. Mi-an-ma.
- D. Lào.

Câu 18. Từ năm 1920-1945 là giai đoạn các nước Đông Nam Á

- A. hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- B. xuất hiện xu hướng vô sản trong phong trào đấu tranh
- C. khởi đầu cuộc đấu tranh giành độc lập.
- D. tái thiết nền kinh tế.

BÀI 7: KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC

1. Vị trí địa chiến lược và vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á - khu vực nằm trên trục giao thông quan trọng kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.
- Việt Nam là cầu nối giữa Trung Quốc với Đông Nam Á, Giữa ĐNA lục địa và ĐNA hải đảo.
- Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, dân cư đông đúc...

b. Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

*** Vai trò:**

- Quyết định sự sinh tồn, ảnh hưởng đến sự phát triển của dân tộc Việt Nam.
- Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
- Giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

*** Ý nghĩa:**

- Hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường.
- Hình thành nên những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, sâu sắc.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

a. Khái quát về một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Người chỉ huy	Trận quyết chiến
KC chống quân Nam Hán	938	Ngô Quyền	Bạch Đằng
KC chống quân Tống lần 1	981	Lê Hoàn	Bạch Đằng
KC chống quân Tống lần 2	1075-1077	Lý Thường Kiệt	Như Nguyệt
KC chống quân Mông - Nguyên	1258 1285 1287-1288	Vua Trần Trần Hưng Đạo	Đông Bộ Đầu; Chương Dương, Vạn Kiếp; Bạch Đằng.
KC chống quân Xiêm	1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm - Xoài Mút
KC chống quân Thanh	1788	Quang Trung	Ngọc Hồi - Đống Đa

b. Nguyên nhân thắng lợi

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- Trước hết, các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.

- Thứ 2, nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn. Tất cả các tầng lớp nhân dân đều tham gia kháng chiến, tạo thành khối đoàn kết toàn dân vững chắc.
- Thứ ba, kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo...
- Thứ tư, những người lãnh đạo, chỉ huy các cuộc kháng chiến đều là các vị tướng lĩnh tài năng, mưu lược như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ...

* Nguyên nhân khách quan:

- Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang là các cuộc chiến tranh phi nghĩa.
- Trong quá trình chiến tranh quân giặc gặp 1 số khó khăn như xa hậu phương, thiếu lương thực, không quen địa hình, điều kiện tự nhiên của Đại Việt.

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công

a. Khái quát một số cuộc kháng chiến không thành công

Tên cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Diễn biến chính/ kết quả
K/C chống quân Triệu	179 TCN	An Dương Vương	Triệu Đà vờ giảng hòa, tìm hiểu bí mật quân sự rồi đánh úp.
KC chống quân Minh	1406-1407	Hồ Quý Ly	Nhà Minh huy động lực lượng quân lớn, nhà Hồ rút lui, thất bại.
K/C chống thực dân Pháp	1858-1884	...	- 1858 Pháp xâm lược - Lúc đầu quân đội triều đình kết hợp với nhân dân chống Pháp; sau đó từng bước đầu hàng qua hệ thống Hiệp ước. - Nhân dân kiên quyết chiến đấu chống Pháp đến cùng. - 1884 Pháp hoàn thành xâm lược.

b. Nguyên nhân kháng chiến không thành công

* Nguyên nhân chủ quan:

- Người lãnh đạo K/C không tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, không xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân.
- Trong quá trình tổ chức K/C, người lãnh đạo chỉ huy phạm phải sai lầm nghiêm trọng.

* Nguyên nhân khách quan:

- Tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho cuộc K/C của nhân dân Việt Nam.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

- A.** Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.
- B.** Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.
- C.** Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.
- D.** Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 2. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

- A.** Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- B.** Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.
- C.** Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.
- D.** Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Tiên phát chế nhân.
- C. Vây thành, diệt viện.
- D. Vườn không nhà trống.

Câu 4. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), nhà Lý đã sử dụng nghệ thuật quân sự nào sau đây?

- A. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. Chủ động tiến công.
- C. Đánh điểm, diệt viện.
- D. Vườn không nhà trống.

Câu 5. Trong cuộc kháng chiến chống quân Xiêm (1785), nghĩa quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 6. Trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1789), nghĩa quân Tây Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.
- B. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.
- C. Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.
- D. Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

Câu 7. Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên ở thế kỉ XIII gắn liền với sự lãnh đạo của vương triều nào?

- A. Nhà Tiền Lê.
- B. Nhà Lý.
- C. Nhà Trần.
- D. Nhà Hồ.

Câu 8. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt.
- B. Củng cố vị thế cường quốc kinh tế của Việt Nam.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự.
- D. Góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Câu 9. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có vai trò nào sau đây?

- A. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.
- B. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. Khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng đất nước.

Câu 10. Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đối với

- A. sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam.
- B. chính sách đối nội, đối ngoại của đất nước.
- C. chiều hướng phát triển kinh tế của đất nước.
- D. tình hình văn hóa - xã hội của quốc gia.

Câu 11. Trong suốt tiến trình lịch sử, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa

- A. góp phần định hình bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
- B. tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập với quốc tế sâu rộng.
- C. khẳng định Việt Nam là cường quốc về quân sự, kinh tế.
- D. hình thành và nâng cao lòng tự hào, ý thức tự cường.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan dẫn đến một số cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 không thành công?

- A. Giai cấp lãnh đạo không xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân.
- B.** Tương quan lực lượng chênh lệch không có lợi cho cuộc kháng chiến.
- C. Các phong trào đấu tranh diễn ra khi không có giai cấp lãnh đạo.
- D. Sai lầm trong cách tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Câu 13. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khách quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.
- B. Các cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam mang tính chính nghĩa.
- C.** Các cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang mang tính phi nghĩa.
- D. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- B.** Kế sách đánh giặc đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo.
- C. Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D. Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam trước năm 1945 ?

- A. Tương quan lực lượng chênh lệch có lợi cho nhân dân Việt Nam.
- B.** Tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia kháng chiến.
- C. Thái độ chủ quan, chưa chuẩn bị chu đáo của quân xâm lược.
- D. Tận dụng tiềm lực kinh tế mạnh để phát triển hệ thống quân sự.

Câu 16. Người đã chỉ huy nhân dân Đại Cồ Việt tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 là

- A. Đinh Bộ Lĩnh.
- B.** Lê Hoàn.
- C. Ngô Quyền.
- D. Lý Công Uẩn.

Câu 17. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ đã

- A.** thất bại, Đại Ngu rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.
- B. thắng lợi, bảo vệ được nền độc lập, tự chủ của dân tộc.
- C. thắng lợi, đập tan ý chí xâm lược Đại Ngu của nhà Minh.
- D. thất bại, Đại Ngu tuy độc lập nhưng phải thần phục nhà Minh.

Câu 18. Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp là mốc đánh dấu

- A.** sự đầu hàng hoàn toàn của triều Nguyễn trước thực dân Pháp.
- B. sự kết thúc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam.
- C. thực dân Pháp căn bản hoàn thành công cuộc bình định Việt Nam.
- D. phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng Pháp.

.....**Hết**.....

BÀI 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TCN ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)

I. TÓM TẮT KIẾN THỨC

1. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU TRONG THỜI KÌ BẮC THUỘC

Tên cuộc khởi nghĩa/ Năm khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Chống chính quyền cai trị	Diễn biến chính, kết quả	Ý nghĩa
Hai Bà Trưng	Trưng Trắc, Trưng Nhị	Nhà Hán	- Năm 40, Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội). - Nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh (Hà Nội), Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). → Thái thú Tô Định bỏ chạy về nước. Khởi nghĩa thắng lợi bước đầu, Trưng Trắc lên làm vua. - Năm 43, khởi nghĩa bị đàn áp, thất bại.	- Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc trong cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. - Giành độc lập dân tộc, kết thúc hoàn toàn hơn một nghìn năm Bắc thuộc.
Bà Triệu	Triệu Thị Trinh	Nhà Ngô	- Năm 248, Triệu Thị Trinh lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. - Nhà Ngô huy động lực lớn mới đàn áp được.	
Lý Bí	Lý Bí, Triệu Quang Phục	Nhà Lương và nhà Tùy	- Năm 542: Lý Bí khởi nghĩa chống nhà Lương. - Năm 544: khởi nghĩa thắng lợi, thành lập nước Vạn Xuân. Lý Bí qua đời, Triệu Quang Phục nắm quyền lãnh đạo trực tiếp cuộc khởi nghĩa.	

			- Năm 545: Triệu Quang Phục chỉ huy nghĩa quân đánh nhà Lương, giành thắng lợi. - Năm 602: nhà Tùy đem quân sang đàn áp, khởi nghĩa thất bại.	
Phùng Hưng	Phùng Hưng	Nhà Đường	- Cuối thế kỉ VIII, Phùng Hưng khởi nghĩa ở Đường Lâm (Hà Nội), đánh chiếm phủ Tống Bình, quản lí đất nước trong một thời gian. - Nhà Đường đem quân đàn áp, khởi nghĩa thất bại.	

2. KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

a. Bối cảnh lịch sử

- Trong vòng 20 năm đô hộ Đại Việt, nhà Minh đã thi hành chính sách cai trị, bóc lột nặng nề đối với nhân dân Việt Nam:

+ Về hành chính: đặt Đại Ngu thành quận Giao Chỉ, chia thành các phủ, huyện để cai trị.

+ Về kinh tế - xã hội: đặt ra nhiều thứ thuế nặng nề, bắt người tài đem về nước phục dịch.

+ Về văn hóa: bắt dân ta phải theo phong tục Trung Hoa, dùng nhiều thủ đoạn để thủ tiêu nền văn hóa Việt.

- Nhân dân nổi dậy ở nhiều nơi. Tiêu biểu là khởi nghĩa của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng,...

→ Bị đàn áp.

- Lê Lợi triệu tập nghĩa sĩ, hào kiệt, xây dựng lực lượng, chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa.

b. Diễn biến chính.

Năm 1416, Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa), quyết tâm đánh đuổi giặc Minh.

- Đầu năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa tại vùng núi rừng Lam Sơn (Thanh Hóa). Cuộc khởi nghĩa trải qua bốn giai đoạn chính và giành thắng lợi vào năm 1427.

♦ **Từ 1418 - 1423:** trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn, phải 3 lần phải rút lên núi Chí Linh (Thanh Hóa).

♦ **Từ 1423 - 1424:** nghĩa quân tạm thời hòa hoãn với quân Minh để củng cố lực lượng và tìm phương hướng mới.

♦ **Từ 1424 - 1425:** đây là giai đoạn quân Lam Sơn mở rộng hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên. Cuối năm 1424, nghĩa quân giải phóng Nghệ An, sau đó giải phóng vùng rộng lớn từ Thanh Hóa đến Đèo Hải Vân.

♦ **Từ 1426 - 1428:** đây là giai đoạn quân Lam Sơn tiến quân ra Bắc, giành thắng lợi trên quy mô cả nước.

+ Tháng 11/1426, nghĩa quân giành thắng lợi ở Tốt Động - Chúc Động (Chương Mỹ, Hà Nội), quân Minh thất bại nặng nề. Nghĩa quân siết chặt vây hãm thành Đông Quan.

+ Tháng 10/1427, nghĩa quân liên tiếp giành thắng lợi tại Chi Lăng (Lạng Sơn), Cần Trạm, Phổ Cát và Xương Giang (Bắc Giang).

+ Ngày 10/12/1427, Lê Lợi và Vương Thông dẫn đầu hai phái đoàn tham gia Hội thề Đông Quan. Chiến tranh chấm dứt.

+ Tháng 1/1428, quân Minh rút hết về nước, đất nước hoàn toàn giải phóng.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, có tính chất nhân dân rộng rãi.

- Chấm dứt thời kì đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hóa Đại Việt.

- Mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.

3. PHONG TRÀO TÂY SƠN

a. Bối cảnh lịch sử

- Phong trào Tây Sơn bùng nổ trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội ở Đàng Trong đã có những dấu hiệu khủng hoảng.

- Nhân dân bất bình, đứng lên đấu tranh:

+ Cuộc nổi dậy của Lý Văn Quang (Biên Hòa).

+ Cuộc khởi nghĩa của Chàng Lía ở Truong Mây (Bình Định),...

→ Đều thất bại.

- Phong trào Tây Sơn bùng nổ: thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

b.Diễn biến chính

Năm 1771	Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng đạo (nay thuộc An Khê, Gia Lai).
Năm 1773	Chiếm được phủ thành Quy Nhơn.
Năm 1774	Nghĩa quân kiểm soát vùng đất rộng lớn từ Quảng Nam đến Bình Thuận.
Năm 1777	Lật đổ chính quyền phong kiến họ Nguyễn ở Đàng Trong.
Năm 1778	Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, đóng đô ở thành Đồ Bàn (Quy Nhơn, Bình Định).
Năm 1785	Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Thanh.
Năm 1786	- Tháng 6: hạ thành Phú Xuân, giải phóng toàn bộ đất Đàng Trong. - 21/7: Nguyễn Huệ đánh vào Thăng Long, lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài.
Năm 1788	- Giữa 1788: Nguyễn Huệ tiến quân ra Thăng Long trị tội Vũ Văn Nhậm, bề lũ Lê Chiêu Thống trốn sang Kinh Bắc. - Tháng 12/1788: Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quan Trung, tiến quân ra Bắc.
Năm 1789	Quang Trung đại phá quân Thanh.

c.Ý nghĩa lịch sử

- Lật đổ chính quyền phong kiến Trịnh, Nguyễn.
- Xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước, đặt nền tảng cho việc thống nhất quốc gia.
- Giữ vững nền độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, đập tan tham vọng xâm lược của nhà Thanh và quân Xiêm.

4. NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

- Bài học về xây dựng lực lượng: là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc.
- Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là sức mạnh giúp nhân dân Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách.
- Bài học về nghệ thuật quân sự: kinh nghiệm đánh giặc dũng cảm, mưu trí, phong phú, độc đáo.

II. BÀI TẬP

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa trong thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Đất nước có độc lập, chủ quyền.
- B. Đất nước mất độc lập, tự chủ.
- B. Trung Quốc bị Mông Cổ đô hộ.
- D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

- A. Hai Bà Trưng.
- B. Bà Triệu.
- C. Lý Bí.
- D. Phùng Hưng.

Câu 3. Trong thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi và lập ra nhà nước Vạn Xuân?

- A. Hai Bà Trưng.
- B. Bà Triệu.
- C. Lý Bí.
- D. Phùng Hưng.

Câu 4. Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm nào sau đây của nhân dân Việt Nam diễn ra trong thời kỳ Bắc thuộc?

- A. Khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực.
- B. Khởi nghĩa Phùng Hưng.
- C. Phong trào Tây Sơn.
- D. Khởi nghĩa Trương Định.

Câu 5. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, giành quyền tự chủ.
- B. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương thắng lợi, lập ra nhà nước Vạn Xuân.
- C. Trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo thắng lợi.
- D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của nhà Minh?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- B. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- C. Khởi nghĩa Lý Bí.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của nhân dân Đại Việt chống lại quân xâm lược nào?

- A. Nhà Hán.
- B. Nhà Tống.
- C. Nhà Nguyên.
- D. Nhà Minh.

Câu 8. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Đại Việt bị nhà Nguyên cai trị.
- B. Đại Việt bị nhà Minh đô hộ.
- C. Đại Việt bị chia cắt làm hai Đàng.
- D. Đại Việt có độc lập, chủ quyền.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phải là bối cảnh dẫn đến bùng nổ phong trào Tây Sơn?

- A. Đại Việt mất đi độc lập, tự chủ.
- B. Đất nước đang bị chia cắt kéo dài.
- C. Nguy cơ bị các thế lực ngoại xâm dòm ngó.
- D. Đất nước bị khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

Câu 10. Phong trào Tây Sơn (1771-1802) bùng nổ nhằm thực hiện một trong những nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp.
- B. Giải phóng dân tộc thoát khỏi ách đô hộ.
- C. Hoàn thành thống nhất đất nước.
- D. Bảo vệ quyền lợi dân chủ của nhân dân.

Câu 11. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) kết thúc thắng lợi được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

- A. Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hóa).
- B. Hội thề Đông Quan (Hà Nội).
- C. Chiến thắng Tốt Động-Chúc Động.
- D. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Câu 12. Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, để tập hợp lực lượng đặt cơ sở cho sự hình thành hạt nhân đầu tiên, Lê Lợi đã tổ chức

- A. Hội nghị Bình Than.
- B. Hội thề Lũng Nhai.
- C. Hội nghị Diên Hồng.
- D. Hội thề Đông Quan.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách cai trị của nhà Minh đối với nhân dân Việt Nam?

- A. Thực hiện chính sách đồng hóa về văn hóa, ngu dân.
- B. Thực hiện chính sách chia để trị về hành chính.
- C. Đặt ra nhiều thứ thuế và chế độ lao dịch nặng nề.
- D. Duy trì bộ máy cai trị cũ từ trung ương đến địa phương.

Câu 14. Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.
- B. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.
- C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.
- D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Câu 15. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc có một trong những đặc điểm nào sau đây?

- A. Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.
- B. Diễn ra trên phạm vi cả nước.
- C. Diễn ra khi đất nước có độc lập.
- D. Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 16. Khác với các cuộc kháng chiến chống xâm lược thời Lý - Trần, khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong bối cảnh

- A. nước Đại Ngu đã bị nhà Minh đô hộ.
- B. Đại Việt là quốc gia độc lập, có chủ quyền.
- C. nhà Minh lâm vào khủng hoảng, suy yếu.
- D. nhà Nguyên lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

Câu 17. Vào mùa hè năm 1423, Lê Lợi đã đề nghị tạm hoà với quân Minh vì

- A. thiếu tướng tài, tinh thần chiến đấu của quân sĩ sa sút.

- B.** nghĩa quân ánh mãi không thắng nên chấp nhận cầu hoà.
- C.** quân sĩ khiếp sợ trước sức mạnh của giặc, tinh thần sa sút.
- D.** muốn tranh thủ thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

Câu 18. Tại trận Chúc Động - Tốt Động, nghĩa quân Lam Sơn đã tổ chức đánh quân Minh như thế nào?

- A.** Bố trí mai phục, phục kích khi địch rơi vào trận địa.
- B.** Tấn công trực tiếp vào căn cứ của quân Minh.
- C.** Cố thủ và chờ viện binh để tấn công quân Minh.
- D.** Xây dựng hệ thống phòng tuyến quân sự kiên cố.

.....**Hết**.....